

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG
THÁI NGUYÊN

Số: 923 /TB-BVTWTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 05 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v mời báo giá thuốc cung cấp cho Nhà thuốc Bệnh viện, lần 2 năm 2026

Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên có nhu cầu mua thuốc phục vụ cho hoạt động của nhà thuốc của Bệnh viện.

Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên kính mời các đơn vị quan tâm có đủ năng lực kinh nghiệm cung cấp hồ sơ (theo biểu mẫu đính kèm) để bệnh viện lựa chọn công ty cung ứng.

Hồ sơ xin gửi về Khoa Dược – Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên. Đồng thời gửi 01 bản báo giá dưới dạng file pdf và 01 file dạng excel qua địa chỉ Email: nhathuocbvtwn@gmail.com

Địa chỉ: Số 479, đường Lương Ngọc Quyến, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên

Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày thông báo đến ngày 18/05/2026

Mọi thắc mắc xin liên hệ, DS. Nguyễn Thị Vân Anh Số điện thoại: 0965965471

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Website BV TWTN;
- Lưu VT, Khoa Dược.

Loai



HỒ SƠ CÔNG TY CUNG CẤP

(Kèm công văn số 33/TB-BVTWTN ngày 12/05/2026 về việc mời báo giá thuốc)

Hồ sơ cung cấp Công ty sắp xếp theo thứ tự lần lượt như sau:

I. Hồ sơ pháp lý công ty:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao công chứng)
2. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dược có phạm vi phù hợp với sản phẩm tương ứng (bản sao công chứng)
3. Chứng chỉ hành nghề dược của người phụ trách chuyên môn (bản sao công chứng)
4. Giấy chứng nhận thực hành tốt bảo quản thuốc GSP (bản sao công chứng)
5. Giấy chứng nhận thực hành tốt phân phối nhà thuốc GDP (bản sao công chứng)
6. Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc GMP (bản sao công chứng)
7. Bản cam kết chất lượng hàng hóa, giá và cung ứng sản phẩm (Phục lục 1)

II. Hồ sơ sản phẩm

1. Báo giá đơn vị cung cấp (Phục lục 2)
2. Giấy phép lưu hành sản phẩm/Quyết định cấp đăng ký lưu hành/Công văn duy trì hiệu lực số đăng ký lưu hành. Trong trường hợp Giấy đăng ký lưu hành hết hiệu lực, đơn vị cung cấp thẻ kho và cam kết số lượng cung ứng trong thời gian thực hiện hợp đồng.
3. Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan) đối với thuốc nhập khẩu
4. Ủy quyền của nhà phân phối hoặc/và hãng sản xuất đối mặt hàng báo giá (nếu có)
5. Mẫu nhãn và hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam được Cục Quản lý dược đóng dấu hoặc cam kết của công ty sản xuất hoặc công ty đăng ký về việc Mẫu nhãn và hướng dẫn sử dụng phù hợp với hồ sơ đăng ký đã nộp lại tại Cục Quản lý Dược.
6. Quyết định trúng thầu trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày thông báo mời báo giá (nếu có)
7. Hoá đơn bán hàng cho các cơ sở y tế/nhà thuốc trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày thông báo mời báo giá (đối với thuốc chưa có kết quả trúng thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia).

Các tài liệu do công ty cung cấp phải có dấu xác nhận của công ty, đồng thời chuẩn bị sẵn tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bệnh viện.

Loaie

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên

Tên Công ty:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....
Email:.....
Người đại diện:..... Chức vụ:.....

Tất cả các hồ sơ mà Công ty gửi đến Bệnh viện là chính xác, đúng với Hồ sơ gốc còn hiệu lực. Nếu các cơ quan thanh tra kiểm tra phát hiện có sự giả mạo trong hồ sơ thì công ty chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Chúng tôi xin cam kết tới quý Bệnh viện:

1. Cam kết đảm bảo chất lượng hàng hóa

- Đảm bảo chất lượng, mẫu nhãn đúng như đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.
- Đúng với nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa về hãng sản xuất, nước sản xuất.
- Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm thu hồi thuốc trong trường hợp hàng đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền, đồng thời hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho Bệnh viện tương ứng với số lượng thuốc đã thu hồi hoặc mua lại toàn bộ số hàng còn lại theo giá bán ra của nhà thuốc Bệnh viện, đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.

2. Cam kết về giá

- Chúng tôi cam kết giá của các sản phẩm do công ty chúng tôi cung cấp cho nhà thuốc bệnh viện là thấp hơn hoặc bằng giá đã công bố/kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Cam kết về cung ứng sản phẩm

- Cung ứng kịp thời, chính xác, đủ số lượng thuốc theo đơn đặt hàng của Nhà thuốc bệnh viện. Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giao hàng, tiến độ và phạm vi cung cấp nêu trong bảng báo giá.
- Công ty cung cấp đầy đủ phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng ở mỗi lần nhập.
- Trong suốt quá trình vận chuyển, giao nhận thuốc phải đảm bảo đúng các yêu cầu điều kiện ghi trên nhãn, theo các nguyên tắc GSP, GDP và các quy định về quản lý các thuốc có yêu cầu quản lý đặc biệt.

Cam kết có hiệu lực kể từ ngày ký. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý bệnh viện.

Đại diện hợp pháp của Công ty (doanh nghiệp)
(Ký tên, đóng dấu)

Luoc

Tên Công ty
Người liên hệ:

Số điện thoại:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên

Công ty..... kính gửi bệnh viện báo giá sản phẩm công ty có khả năng cung cấp cho nhà thuốc bệnh viện. Cụ thể như sau:

Stt	Mã thuốc theo Thông báo	Tên hoạt chất theo GPLHSP	Tên thuốc theo GPLHSP	Nồng độ - hàm lượng theo GPLHSP	Dạng bào chế theo GPLHSP	Đường dùng theo GPLHSP	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Hạn dùng (tuổi thọ)	Số GPLHSP hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Nhóm TCKT	Đơn giá (có VAT)	Giá trúng thầu trong vòng 12 tháng (QĐ; ngày qđ; tên Đơn vị trúng thầu)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17

.....ngày tháng năm
Đại diện hợp pháp của Công ty (doanh nghiệp)
(Ký tên, đóng dấu)

Loai

TRUNG ƯƠNG

PHỤ LỤC

(Kèm công văn mời báo giá số 923/TB-BVTWTN ngày 12/05/2026 về việc mời báo giá nhà thuốc bệnh viện lần 2 năm 2026 (đợt 2))

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
I. Danh mục thuốc Generic và Biệt dược gốc							
1	26X2167	Acid folic (dạng khan) + Sắt	0,35mg + 50mg	Viên giải phóng có kiểm soát	Uống	Viên	1
2	26X2168	Acid amin (Cho bệnh nhân suy thận)	5,4%;250ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm truyền	Túi	2
3	26X2169	Adapalen	0,1%; 15g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	4
4	26X2170	Adapalen + Benzoyl peroxide	(0,1% + 2,5%); 15g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Chai/lọ/ống	1
5	26X2171	Adapalene	0,1%;30g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	1
6	26X2172	Ambroxol (dạng muối)	30mg	Viên	Uống	Viên	1
7	26X2173	Amiodarone (dạng muối)	200mg	Viên	Uống	Viên	BDG
8	26X2174	Amlodipin + Valsartan + Hydrochlorothiazide	5mg + 160mg + 12,5mg	Viên	Uống	Viên	BDG
9	26X2175	Amlodipin + Valsartan + Hydrochlorothiazide	10mg + 160mg + 12,5mg	Viên	Uống	Viên	BDG
10	26X2176	Amlodipine + Valsartan	10mg + 160mg	Viên	Uống	Viên	BDG
11	26X2177	Amlodipine + Valsartan	5mg + 80mg	Viên	Uống	Viên	BDG
12	26X2178	Betamethasone dipropionate+ Betamethasone disodium phosphate	(5mg+ 2mg);1ml	Thuốc tiêm	Tiêm/tiêm truyền	Chai/lọ/ống	1
13	26X2179	Bisoprolol (dạng muối)	5mg	Viên	Uống	Viên	BDG
14	26X2180	Bisoprolol (dạng muối)	2,5mg	Viên	Uống	Viên	BDG
15	26X2181	Brinzolamid + Brimonidin (dạng muối)	(10mg/ml + 2mg/ml);5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	1
16	26X2182	Budesonid + Formoterol (dạng muối)	(160mcg + 4,5mcg)/liều xịt; 120 liều	Thuốc hít định liều/phun mù định	Hô hấp	Bình	1
17	26X2183	Budesonide	64mcg/0,05ml; 120 liều xịt	Thuốc xịt mũi	Xịt mũi	Chai/lọ/ống	1
18	26X2184	Carbetocin	100mcg/1ml	Thuốc tiêm	Tiêm/tiêm truyền	Chai/lọ/ống	1
19	26X2185	Ceftibuten	200mg	Viên nang	Uống	Viên	2
20	26X2186	Celecoxib	200mg	Viên nang	Uống	Viên	BDG
21	26X2187	Ciclopirox (dạng muối)	10 mg/g; 20g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	1
22	26X2188	Diclofenac (dạng muối)	50mg	Viên bao tan ở ruột	Uống	Viên	1
23	26X2189	Diclofenac (dạng muối)	1,16g/100g	Thuốc dùng ngoài	Ngoài da	Tuýp	BDG
24	26X2190	Diosmin + Hesperidin	900mg + 100mg	Viên	Uống	Viên	BDG
25	26X2191	EPA + DHA + Vitamin B1 + Vitamin B2 + Nicotinamide + Vitamin B6 + Calcium pantothenate + Vitamin B12 + Vitamin D3 + Vitamin C + Folic acid + Vitamin E + Betacarotene + Calcium + Phosphorus + Magnesium + Iron + Zinc + Iodine	45mg + 216mg + 5mg + 5mg + 5mg + 5mg + 10mcg + 200IU + 50mg + 500mcg + 10IU + 1mg + 59mg + 46,6mg + 30mg + 24mg + 8mg + 200mcg	Viên nang	Uống	Viên	1
26	26X2192	Estradiol valerat	2mg	Viên	Uống	Viên	1

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
27	26X2193	Etoricoxib	60mg	Viên	Uống	Viên	BDG
28	26X2194	Etoricoxib	90mg	Viên	Uống	Viên	BDG
29	26X2195	Ethyl Icosapentate	900mg	Viên nang	Uống	Gói/túi/ ống	1
30	26X2196	Gabapentin	300mg	Viên nang	Uống	Viên	BDG
31	26X2197	Ganirelix	0,25mg/0,5ml	Thuốc tiêm	Tiêm/tiêm truyền	Bơm tiêm	1
32	26X2198	Letrozole	2,5mg	Viên	Uống	Viên	BDG
33	26X2199	L-ornithin L-aspartat	3g	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/túi/ ống	2
34	26X2200	Mebendazole	500mg	Viên	Uống	Viên	1
35	26X2201	Mesalazine	1g/100ml	Thuốc thụt hậu môn/trực tràng	Thụt trực tràng	Chai/lọ/ ống	1
36	26X2202	Mesalazine	1g	Viên giải phóng có kiểm soát	Uống	Viên	1
37	26X2203	Metformin (dạng muối)	1000mg	Viên giải phóng có kiểm soát	Uống	Viên	BDG
38	26X2204	Metformin (dạng muối)	500mg	Viên giải phóng có kiểm soát	Uống	Viên	BDG
39	26X2205	Methyldopa anhydrous	250mg	Viên	Uống	Viên	1
40	26X2206	Methylprednisolone Hemisuccinat	125mg Methylprednisolon	Thuốc tiêm	Tiêm/tiêm truyền	Chai/lọ/ ống	BDG
41	26X2207	Mycophenolate mofetil	250mg	Viên nang	Uống	Viên	BDG
42	26X2208	Natri hyaluronat	5mg/5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ ống	BDG
43	26X2209	Nifedipin	30mg	Viên giải phóng có kiểm soát	Uống	Viên	BDG
44	26X2210	Oseltamivir	75mg	Viên nang	Uống	Viên	BDG
45	26X2211	Otilonium (dạng muối)	40mg	Viên	Uống	Viên	BDG
46	26X2212	Paliperidone palmitate	156mg/1ml	Thuốc tiêm tác dụng kéo dài	Tiêm	Hộp	BDG
47	26X2213	Paliperidone palmitate	234mg/1,5ml	Thuốc tiêm tác dụng kéo dài	Tiêm	Hộp	BDG
48	26X2214	Paliperidone palmitate	117mg/0,75ml	Thuốc tiêm tác dụng kéo dài	Tiêm	Hộp	BDG
49	26X2215	Paracetamol + Caffeine	500mg + 65mg	Viên	Uống	Viên	5
50	26X2216	Perindopril + Amlodipin	3,395mg + 10mg	Viên	Uống	Viên	1
51	26X2217	Perindopril + Amlodipine	3,395mg + 5 mg	Viên	Uống	Viên	1
52	26X2218	Perindopril + Amlodipine	4,756mg + 5 mg	Viên	Uống	Viên	BDG
53	26X2219	Perindopril + Indapamide + Amlodipine	3,395mg+1,25mg+5mg	Viên	Uống	Viên	1
54	26X2220	Progesteron	100mg	Viên đặt âm đạo	Đặt	Viên	1

Boae Lam

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
55	26X2221	Progesterone	200mg	Viên đặt âm đạo	Đặt	Viên	1
56	26X2222	Quetiapin	50mg	Viên giải phóng có kiểm soát	Uống	Viên	BDG
57	26X2223	Rivaroxaban	20 mg	Viên	Uống	Viên	BDG
58	26X2224	Rivaroxaban	15mg	Viên	Uống	Viên	BDG
59	26X2225	Salmeterol + Fluticason (dạng muối)	(50mcg + 250mcg)/liều; 60 liều	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Hô hấp	Bình	BDG
60	26X2226	Salmeterol + Fluticason (dạng muối)	(50mcg + 500mcg)/liều; 60 liều	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Hô hấp	Bình	BDG
61	26X2227	Salmeterol + Fluticason (dạng muối)	(25mcg + 125mcg)/liều; 120 liều	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Hô hấp	Bình	BDG
62	26X2228	Salmeterol + Fluticason (dạng muối)	(25mcg + 50mcg)/liều xịt; 120 liều xịt	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Hô hấp	Bình	BDG
63	26X2229	Sitagliptin + Metformin (dạng muối)	50mg + 850mg	Viên	Uống	Viên	1
64	26X2230	Sitagliptin + Metformin (dạng muối)	50mg + 1000mg	Viên	Uống	Viên	1
65	26X2231	Spirolactone	25mg	Viên	Uống	Viên	1
66	26X2232	Tyrothricin + Benzalkonium (dạng muối) + Benzocain	0,5mg + 1mg + 1,5mg	Viên	Uống	Viên	1
67	26X2233	Trimetazidin (dạng muối)	80mg	Viên giải phóng có kiểm soát	Uống	Viên	BDG
68	26X2234	Umeclidinium + vilanterol	(62,5mcg + 25mcg)/liều; 30 liều	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Hô hấp	Hộp	BDG
69	26X2235	Valproate Natri	200mg/ml; 40ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Uống	Chai/lọ/ống	2
70	26X2248	Valsartan	80mg	Viên	Uống	Viên	BDG
71	26X2249	Vi khuẩn bất hoạt Lactobacillus LB (Lactobacillus fermentum và Lactobacillus delbrueckii); Môi trường nuôi cấy lên men trung tính	10 tỷ; 160mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/túi/ống	1
72	26X2250	Vinpocetin	5mg	Viên	Uống	Viên	BDG
73	26X2251	Vinpocetin	10mg	Viên	Uống	Viên	BDG
74	26X2252	Xylometazoline (dạng muối)	10mg/10ml	Thuốc nhỏ mũi	Nhỏ mũi	Chai/lọ/ống	BDG
75	26X2253	Xylometazoline (dạng muối)	5mg/10ml	Thuốc nhỏ mũi	Nhỏ mũi	Chai/lọ/ống	BDG
II. Danh mục thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền							
1	26X2254	Cao khô lá Ivy 30% + Cao khô Coptis Rhizoma	(262,5mg + 87,5mg)/100ml; 10ml	Dung dịch/ hỗn dịch/nhũ dịch uống	Uống	Gói/túi/ống	4

Loae *hau*